

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2010/NQ-HĐND

Nha Trang, ngày 20 tháng 7 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về mức thu, miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2014 – 2015
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ - CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3582/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 07/BC-BVHXH ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mức thu học phí

1. Mẫu giáo, nhà trẻ:

- a) Đối với trường ở khu vực nội thành, nội thị: 120.000 đồng/học sinh/tháng
 b) Đối với trường ở các vùng còn lại : 40.000 đồng/học sinh/tháng

2. Trung học cơ sở:

- a) Đối với trường ở khu vực nội thành, nội thị: 40.000 đồng/học sinh/tháng
 b) Đối với trường ở các vùng còn lại : 20.000 đồng/học sinh/tháng

3. Trung học phổ thông:

- a) Đối với trường ở khu vực nội thành, nội thị: 50.000 đồng/học sinh/tháng
 b) Đối với trường ở các vùng còn lại : 30.000 đồng/học sinh/tháng

4. Dạy nghề học sinh:

- a) Đối với trường ở khu vực nội thành, nội thị: 40.000 đồng/học sinh/tháng
 b) Đối với trường ở các vùng còn lại : 20.000 đồng/học sinh/tháng

Điều 2. Đối tượng được miễn học phí

1. Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005.

2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh có cha mẹ thường trú tại các xã hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế.

4. Trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; trẻ em có cha và mẹ hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng.

Người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hóa có hoàn cảnh như trẻ em nêu trên.

5. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân.

6. Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú.

7. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông hai huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh và các xã khó khăn thuộc các huyện, thị xã đồng bằng gồm: xã Cam Thịnh Tây (thị xã Cam Ranh); xã Diên Tân (huyện Diên Khánh); xã Sơn Tân (huyện Cam Lâm); xã Ninh Vân, xã Ninh Tây, xã Ninh Sơn (huyện Ninh Hòa); xã Vạn Thạnh, xã Xuân Sơn (huyện Vạn Ninh)

8. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

Điều 3. Đối tượng được giảm học phí

Giảm 50% học phí đối với các đối tượng sau:

1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh Khánh Hòa.

Hộ gia đình cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh là hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 130% mức chuẩn nghèo quy định tại Nghị quyết số 07/2008/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thường trú tại các xã hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế.

3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Trung ương, không thuộc các xã quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Cơ chế miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

1. Việc miễn, giảm học phí sẽ được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại nhà trường, trừ trường hợp có những thay đổi về lý do miễn hoặc giảm học phí.

2. Nhà nước thực hiện cấp bù học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập có đối tượng được miễn, giảm học phí theo số lượng người học thực tế và mức thu học phí. Cấp bù học phí (theo mức học phí của các trường công lập trong vùng) cho học sinh là con của người có công với nước, các đối tượng chính sách học mẫu giáo và phổ thông ngoài công lập.

3. Nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp cho các đối tượng quy định tại Điều 4 với mức 70.000 đồng/học sinh/tháng để mua sách, vở và

các đồ dùng khác... thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/năm học.

Điều 6. Không thu học phí có thời hạn

1. Khi xảy ra thiên tai, tùy theo mức độ và phạm vi thiệt hại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định không thu học phí trong thời hạn nhất định đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông thuộc vùng bị thiên tai.

2. Nhà nước thực hiện cấp bù học phí cho các cơ sở giáo dục trong các trường hợp đột xuất quy định tại Khoản 1 của Điều này.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết này được cân đối trong ngân sách của tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 8. Thu học phí

1. Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, học sinh học nghề phổ thông, học sinh học tại các trung tâm giáo dục thường xuyên học phí được thu theo số tháng thực học. Đối với cơ sở giáo dục phổ thông, học phí được thu 9 tháng/năm.

2. Cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập có trách nhiệm tổ chức thu học phí và nộp vào Kho bạc Nhà nước. Biên lai thu học phí theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 9. Sử dụng học phí

Cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập sử dụng học phí theo quy định của Chính phủ về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 10. Quản lý tiền học phí và chế độ báo cáo

1. Cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập gửi toàn bộ số học phí thu được vào Kho bạc Nhà nước.

2. Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê học phí theo các quy định của pháp luật; thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền; và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp.

3. Thu, chi học phí của cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập phải tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm.

Điều 11. Mức thu này áp dụng cho năm học 2010 – 2011. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Từ năm học 2011 - 2012 trở đi, giao Ủy ban nhân dân tỉnh, căn cứ theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm của tỉnh, xem xét điều chỉnh học phí trong khung quy định tại Điều 11 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ

Điều 12. Bãi bỏ Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng học phí hệ công lập tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 13. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm được phân công.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa IV, kỳ họp thứ 14 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP.Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo (2 bản);
- Lưu VT, TC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần An Khánh